



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học: Phương pháp NCKH Quả n trị (208403-05)

CBGD

Lê Quang Thông

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11221005	TRẦN THỊ	AI	01/01/82	1	9	Chín	Thị	
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH	01/11/92	1	7	Bảy	Hoàng	
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/02/93	1	7	Bảy	Hoàng	
4	11221008	NGUYỄN VĂN	BẦY	28/11/68	1	7	Bảy	Văn	
5	11221009	NGUYỄN VĂN	BỀN	14/04/68	1	8	Tám	Văn	
6	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	01/01/89	1	8	Tám	Thành	
7	11221011	ĐẶNG HÙNG	CƯỜNG	1/ /65	✓	✓	✓	Hùng	✓
8	11221014	PHẠM XUÂN	DŨNG	26/10/79	1	9	Chín	Xuân	
9	11221015	HUỖNH NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/10/81	1	9	Chín	Trọng	
10	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG	30/02/89	1	8	Tám	Tấn	
11	11221012	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	17/04/83	1	7	Bảy	Thùy	
12	11221002	HUỖNH VĂN	ĐIỀN	13/09/75	1	8	Tám	Văn	
13	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU	08/02/82	1	9	Chín	Thanh	
14	11221001	HUỖNH RẠNG	ĐÔNG	22/11/92	✓	7	Bảy	Rạng	✓
15	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC	28/11/74	1	8	Tám	Hữu	
16	11221016	NGUYỄN TÚ	EM	24/06/87	1	8	Tám	Tú	
17	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG	04/07/93	1	7	Bảy	Trường	
18	11221020	MAI HỒNG	HẠNH	26/08/84	1	8	Tám	Hồng	
19	11221021	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	19/05/86	1	8	Tám	Ngọc	
20	11221018	VÕ THỊ THANH	HẰNG	20/02/77	1	8	Tám	Thanh	
21	11221022	LÂM TRỌNG	HIỆU	21/05/91	1	9	Chín	Trọng	
22	11221023	LÊ PHÚ	HUY	08/07/74	1	9	Chín	Phú	
23	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	11/03/84	1	7	Bảy	Thanh	
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	28/02/85	✓	✓	✓	Thu	✓
25	11221025	TRẦN NAM	KHA	08/05/92	1	8	Tám	Nam	
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/11/82	1	7	Bảy	Đăng	
27	11221028	HUỖNH PHI	LONG	19/02/81	✓	7	✓	Phi	✓
28	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG	09/01/83	1	7	Bảy	Hoàng	
29	11221027	HUỖNH THIỆU	LƯƠNG	16/12/92	✓	✓	✓	Thiếu	✓
30	11221030	HUỖNH HOÀNG	MINH	28/10/87	1	7	Bảy	Hoàng	
31	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÂN	01/01/73	1	7	Bảy	Văn	
32	11221033	ĐÀO KIM	NHÂN	26/10/93	✓	✓	✓	Kim	✓
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	01/10/81	1	8	Tám	Trọng	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & chuyển đổi nông nghiệp Long An)

Môn Học: Phương pháp NCKH Quản trị (208403-05)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	/ /87	✓	✓	✓		✓
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	15/12/81	1	9	Chín	Phong	
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	20/11/88	1	7	Bảy	Phu	
37	11221038	HUỖNH DIỄM	PHÚC	20/12/82	1	7	Bảy	Phu	
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	27/12/88	✓	✓	✓		✓
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	30/04/82	1	8	Tám	Phu	
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯƠNG	05/11/78	1	9	Chín	Phu	
41	11221041	HUỖNH THANH	SANG	18/08/90	1	8	Tám	Phu	
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	17/04/84	✓	✓	✓		✓
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	25/12/80	1	8	Tám	Phu	
44	11221044	NGUYỄN NHẤT	SINH	20/12/87	1	7	Bảy	Phu	
45	11221046	LÊ THÀNH	TẤN	/ /93	✓	✓	✓		✓
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	10/01/84	✓	✓	✓		✓
47	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	26/02/83	1	7	Bảy	Phu	
48	11221050	MAI VĂN	THẢO	26/03/79	1	8	Tám	Phu	
49	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	05/12/84	1	9	Chín	Phu	
50	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	/ /86	1	7	Bảy	Phu	
51	11221053	HUỖNH MINH	THẮNG	/ /85	1	9	Chín	Phu	
52	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	25/10/82	1	7	Bảy	Phu	
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	15/07/83	1	8	Tám	Phu	
54	11221055	HỒ VĂN	THUẬT	08/08/79	1	9	Chín	Phu	
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	06/06/86	1	7	Bảy	Phu	
56	11221045	TRẦN BẢO	TÔN	01/10/84	1	8	Tám	Phu	
57	11221056	HUỖNH MINH	TÓI	07/09/80	1	8	Tám	Phu	
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	12/02/82	1	8	Tám	Phu	
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRÂN	12/10/83	1	7	Bảy	Phu	
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	/ /82	✓	✓	✓		✓
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	05/07/89	1	7	Bảy	Phu	
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	01/04/92	1	8	Tám	Phu	
63	11221060	ÔN THANH	TRƯƠNG	/ /74	1	7	Bảy	Phu	
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẤN	/ /85	1	8	Tám	Phu	
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẤN	28/08/89	1	9	Chín	Phu	
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẤN	16/08/90	1	8	Tám	Phu	
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẤN	19/05/84	1	8	Tám	Phu	
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẤN	20/04/77	1	8	Tám	Phu	

Danh Sách Ghi Điểm

Lô p: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)
Môn Học Phương pháp NCKH Quả n trị (208403-05)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	11221067	VÕ ANH	TUẤN	11/08/77	1 9	Chín	
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG	17/11/78	1 9	Chín	
71	11221071	MAI THANH	TUYỀN	01/08/72	1 8	Tám	
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ	17/10/90	1 7	Bảy	
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ	30/02/89	✓ ✓		✓

In Ngày 31/10/14

60SV
60 Bài

Ngày 28 Tháng 11 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 31/10/14

TP.HCM, Ngày 31 tháng 10 năm 2014

Thanh
Lê Quang Thông